TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2018.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà****:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu C**, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp Tân T, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2.Bị đơn: Anh **Lê Minh T**, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 22, ấp Tân T, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu C trình bày:

Chị và anh T sống chung vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh năm 2005. Việc chị và anh T sống chung với nhau là tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không còn hạnh phúc nữa; nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, anh T có gây thương tích cho chị. Hiện tại, chị và anh T đã

sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay, về hôn nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Lê Minh N, sinh năm 1996, cháu N đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 4 năm 2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Minh T trình bày:

Chị C trình bày về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng, anh không có ý kiến trình bày bổ sung. Về mâu thuẫn hôn nhân do chị C nghe lời xúi giục của người khác và bỏ nhà ra đi sống nơi khác nên vợ chồng có gây gỗ, xô xát với nhau. Hiện tại, vợ chồng anh đã sống ly thân. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị C và vì thương con nên không đồng ý ly hôn với chị C.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị C ly hôn: Về con chung anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị C, cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu C đối với anh Lê Minh T.

Về nuôi con chung: Ghi nhận cháu N đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên chị C, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu C và anh Lê Minh T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu C và anh Lê Minh T chung sống với nhau từ năm 1994, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 19 tháng 8 năm 2005, Giấy

đăng ký kết hôn số 130, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa chị C và anh T phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn là về lối sống, được cả chị C và anh T thừa nhận. Anh T cho rằng do chị C đi hợp tác lao động ở nước ngoài về nhà xem thường anh nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, xô xác với nhau. Chị C trình bày mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể sống chung với anh T nên yêu cầu ly hôn, anh T cho rằng tuy anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị C nên không đồng ý ly hôn. Căn cứ các biên bản xác minh ngày 04 tháng 7 năm 2018 (tại các bút lục số 32, 33) tại địa phương thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa chị C và anh T đã phát sinh và kéo dài nhiều năm, không thể giải quyết được nên chị C bỏ đi nơi khác sống và ly thân với anh T từ năm 2015 cho đến nay, hiện tại mục đích của hôn nhân của anh chị không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị C được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu C và anh Lê Minh T có 01 con chung tên: Lê Minh N sinh năm 1996 hiện đã trưởng thành và tự lao động, sinh sống được, chị C và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị C, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu C với anh Lê Minh T.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận con chung Lê Minh N, sinh năm 1996 đã trưởng thành và tự lao động, sinh sống được, chị C, anh T không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thu C và anh Lê Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm

nghìn) đồng mà chị C đã nộp theo biên lai thu số 0025369 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Xuân Lan